

Bản án số: **564/2024/HNGĐ-ST**

Ngày: 20 - 9 - 2024

V/v: “Tranh chấp ly hôn,
nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Ngọc Luân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Hoàng Nam

2. Ông Hà Bửu Khánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - Thư ký Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 20 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 445/2024/TLST - HNGĐ, ngày 13 tháng 8 năm 2024 về việc tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 399/2024/QĐXX-ST, ngày 28 tháng 8 năm 2024; giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Minh T, sinh năm: 1976 (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: Khu phố 6, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Trí H, sinh năm: 1973 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố 6, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn chị Nguyễn Minh T trình bày: chị và anh H tự tìm hiểu quen biết trước và được gia đình cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới vào

năm 1993, nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống giữa chị và anh H phát sinh nhiều mâu thuẫn. Vì vậy chị yêu cầu được ly hôn với anh H. Về con chung, chị và anh H có 04 người con chung tên: Trương Thị Ngọc C, sinh ngày 04/9/1994; Trương Thị Ngọc P, sinh ngày 26/01/1997; Trương Thị Ngọc N, sinh ngày 24/5/2005 và Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 17/5/2014. Chị T tự nguyện giao cháu Ngọc H cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không cấp dưỡng nuôi con. Còn 03 người con lớn đã trưởng thành không yêu cầu tòa án giải quyết. Về tài sản và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, bị đơn anh Nguyễn Trí H trình bày: Anh xác định trình bày của chị T về hôn nhân, con chung là đúng. Anh đồng ý ly hôn, trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 17/5/2014 không yêu cầu chị T cấp dưỡng. Về tài sản và nợ chung anh thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết. Các con lớn đã trưởng thành không yêu cầu tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về trình tự thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Minh T khởi kiện yêu cầu ly hôn, quyền nuôi dưỡng con chung với anh Nguyễn Trí H nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con chung được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự và anh Nguyễn Trí H với tư cách là bị đơn trong vụ kiện có nơi cư trú tại huyện G, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Nguyên đơn chị T và anh H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh H là có căn cứ.

[2] Về nội dung vụ kiện:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh H chung sống vợ chồng với nhau từ năm 1993 nhưng không có đăng ký kết hôn. Theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì hôn nhân của anh chị không được xem là hợp pháp. Vì vậy căn cứ Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Minh T và anh Nguyễn Trí H.

[2.2] Về con chung, Chị T và anh H cùng xác định vợ chồng có 04 người con chung tên Trương Thị Ngọc C, sinh ngày 04/9/1994; Trương Thị Ngọc P, sinh ngày 26/01/1997; Trương Thị Ngọc N, sinh ngày 24/5/2005 và Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 17/5/2014. Chị T tự nguyện giao cháu H cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con, 03 người con lớn đã trưởng thành không yêu cầu tòa án giải quyết. Tại bản khai, anh H thống nhất nuôi dưỡng cháu H, không yêu cầu chị T cấp dưỡng và 03 người con lớn đã trưởng thành không yêu

cầu tòa án giải quyết. Xét thấy, anh H cũng có công việc ổn định đảm bảo cho việc nuôi dưỡng con cái phát triển về thể chất và tinh thần và sự thoả thuận trên của anh chị không vi phạm điều cấm của pháp luật và đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thoả thuận nuôi con của chị T và anh H.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh H xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí; án phí ly hôn sơ thẩm chị T phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003077 ngày 12/8/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, nên không phải nộp thêm.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

Căn cứ vào Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Xử:

1. Không công nhận chị Nguyễn Minh T và anh Nguyễn Trí H là vợ chồng.
2. Về con chung: Công nhận sự thoả thuận giữa chị T và anh H là chị T giao người con chung tên Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 17/5/2014 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng (phù hợp với nguyện vọng của cháu H). Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con do anh H không yêu cầu.

Chị T được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền cản trở.

3. Về tài sản và nợ chung: Chị T và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) buộc chị Nguyễn Minh T phải nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003077 ngày 12/8/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, nên không phải nộp thêm.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày được tính kể từ ngày các đương sự nhận được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Giồng Riềng;
- Chi cục THADS huyện Giồng Riềng;
- UBND xã; Thị trấn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Ngọc Luân

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
- Cơ quan Thi hành án huyện;
- Các đương sự;

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Ủy ban nhân dân xã;
- Lưu.

Nguyễn Thị Cẩm Hương